

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ.

NGUYỄN LƯƠNG THÀNH. *Tăng cường huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh trong thời kỳ đổi mới: thực trạng, kinh nghiệm và giải pháp*

Chuyên ngành: Lịch sử kinh tế quốc dân

Mã số: 5.02.04

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (KCHT KT-XH) có vai trò quan trọng, là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đầu tư trong quá trình thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, KCHT KT-XH được coi là hàng hóa công cộng – hàng hoá phục vụ cho cả cộng đồng. Việc huy động vốn đầu tư không chỉ từ nguồn tài chính công, mà phải huy động đầu tư của toàn xã hội. Những năm qua (1997-2005), Bắc Ninh đã đạt được một số kết quả trong huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH. Song nhu cầu vốn đầu tư để xây dựng KCHT KT-XH Bắc Ninh trong thời kỳ tới rất lớn, trong khi nguồn lực ngân sách lại có hạn. Bài toán đặt ra là phải tiếp tục huy động mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, nghiên cứu sinh chọn chủ đề “*Tăng cường huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội tỉnh Bắc Ninh trong thời kỳ đổi mới: thực trạng, kinh nghiệm và giải pháp*” làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ của mình là rất cần thiết.

Luận án nhằm nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn, phân tích thực trạng huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH ở Bắc Ninh trong thời kỳ 1997-2005; từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới.

Luận án dày 194 trang. Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận án được trình bày trong ba chương.

Chương I: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH* (tr.13-54), tác giả phân tích, làm rõ sự cần thiết phát triển KCHT KT-XH.

Khái niệm *kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội* được định nghĩa như sau: “Kết cấu hạ tầng là tổng hợp các yếu tố, các điều kiện vật chất - kỹ thuật được tạo lập và tồn tại ở mỗi quốc gia, làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia đó, có giá trị thông qua đầu tư xây dựng, với kinh phí rất lớn, đầu tư trong thời gian dài và có giá trị sử dụng theo đúng mục đích khi đầu tư xây dựng” (tr. 14).

Tác giả cho rằng các sản phẩm KCHT trong nền kinh tế thị trường sẵn sàng tham gia trao đổi thanh toán vì thế KCHT KT-XH thỏa mãn điều kiện trở thành hàng hóa – hàng hóa công cộng. Hàng hóa công cộng cũng như hàng hóa thông thường, có thể tách quá trình sản xuất với tiêu dùng. Nhưng sự khác nhau là, hàng hóa công cộng sản xuất ra cho cả cộng đồng sử dụng, hàng hóa thông thường sản xuất ra để cá

nhân tiêu dùng. Hàng hóa thông thường được sản xuất và đem ra thị trường trao đổi nhằm kiếm lợi nhuận, chính một phần lợi nhuận này để tiếp tục quay vòng tăng vốn để sản xuất kinh doanh tiếp. Còn hàng hóa công cộng không thể bán ngay được, mà để phục vụ chung cho cộng đồng. Vì vậy nguồn vốn đầu tư cho hàng hóa công cộng chủ yếu từ nguồn tài chính công và sự đóng góp của toàn xã hội.

Đặc điểm cơ bản của kết cấu hạ tầng là:

- Tổng hòa các yếu tố và điều kiện vật chất-kỹ thuật được tạo lập trong một phạm vi quốc gia, một vùng, một ranh giới địa lý hành chính nhất định.

- KCHT KT-XH là nền tảng cho sự phát triển sản xuất và đời sống của cộng đồng tồn tại lâu dài và nó đánh dấu sự phát triển của mỗi dân tộc, mỗi vùng và mỗi địa phương.

- Với vai trò là hàng hóa công cộng, muốn KCHT KT-XH tốt phải huy động vốn đầu tư của toàn xã hội.

Tác giả phân loại KCHT KT-XH theo nhiều cách: theo các tiêu thức ngành kinh tế quốc dân, theo khu vực lãnh thổ, theo sự phân cấp quản lý, hay theo tiêu chuẩn chất lượng kinh tế-kỹ thuật.

Trong chương này, tác giả còn phân tích làm rõ khái niệm vốn đầu tư, các loại nguồn vốn đầu tư, mối quan hệ giữa nguồn vốn đầu tư với đối tượng đầu tư; từ đó nêu rõ sự cần thiết phải tăng cường thu hút vốn đầu tư xây dựng KCHT; kinh nghiệm về thu hút vốn đầu tư phát triển KCHT KT-XH của một số tỉnh như Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Tây.

Trong chương II: *Thực trạng huy*

động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 1997-2005 (tr. 55-122), tác giả phân tích những đặc điểm tự nhiên, kinh tế-xã hội tỉnh Bắc Ninh ảnh hưởng đến huy động vốn đầu tư xây dựng KCHT; thực trạng huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH của tỉnh thời kỳ 1997-2005; đánh giá chung về việc huy động vốn đầu tư các công trình KCHT KT-XH của tỉnh thời kỳ 1997-2005, trong đó nêu rõ những thành tựu đạt được, những yếu kém và nguyên nhân của những yếu kém đó, rút ra những bài học kinh nghiệm.

Theo tác giả, Bắc Ninh đạt được tốc độ huy động vốn khá cao trong thời kỳ 1997-2005 cho xây dựng KCHT KT-XH, nguồn vốn cũng được đa dạng hóa, trong tổng số vốn đầu tư xây dựng KCHT KT-XH, vốn Nhà nước chiếm 32,2%, vốn huy động từ các tổ chức, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và dân cư chiếm 54,9%, vốn đầu tư nước ngoài chiếm 12,9%. Tuy nhiên, việc huy động vốn cũng còn nhiều hạn chế, tốc độ huy động tuy tăng nhanh, nhưng qui mô vốn còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa KCHT phục vụ cho phát triển kinh tế và đời sống xã hội.

Các biện pháp huy động vốn còn đơn điệu, chưa khai thác được tiềm năng của các biện pháp về tín dụng, về giao quyền quản lý, khai thác các công trình nhà nước đã đầu tư nhằm thu hồi vốn để đầu tư, nâng cấp hoặc xây dựng mới các công trình KCHT KT-XH khác.

Chương III trình bày về các giải pháp đẩy mạnh huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới 2006-2010-2015-2020 (tr. 123-178).

Tác giả nêu rõ những thuận lợi và khó khăn, mục tiêu, nhu cầu, các quan điểm và giải pháp trong việc huy động

vốn đầu tư xây dựng KCHT KT-XH tỉnh Bắc Ninh. *Thuận lợi* là tốc độ phát triển kinh tế nhanh và bền vững, có nguồn lực về lao động, đất đai, mặt nước chưa sử dụng còn nhiều, Bắc Ninh nằm trong vùng kinh tế Bắc Bộ và có cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ. *Khó khăn* là điểm xuất phát của nền kinh tế còn thấp, vẫn phải huy động tổng lực các nguồn vốn trong khi cơ chế chính sách, môi trường đầu tư còn nhiều bất cập.

Mục tiêu đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH của Bắc Ninh trong thời kỳ 2006-2010-2015-2020 nhằm tiếp tục đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển. Phần đầu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2006-2010 đạt 15-16%/năm; giai đoạn 2011-2015 đạt 13%/năm; giai đoạn 2016-2020 đạt 12%/năm. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 20,6 triệu đồng giá hiện hành. Phát huy mạnh lợi thế so sánh về vị trí địa lý kinh tế và nguồn nhân lực của tỉnh. “Nhanh chóng xây dựng Bắc Ninh đạt mục tiêu cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015 với một hệ thống KCHT KT-XH tương đối hiện đại và đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với hệ thống hạ tầng của vùng Thủ đô Hà Nội” (tr. 56).

Quan điểm thực hiện các giải pháp huy động vốn là: 1/ Chỉ huy động vốn, bố trí vốn khi đã có đầy đủ các điều kiện về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; 2/ Chỉ huy động vốn vay khi có đủ khả năng trả nợ; 3/ Phân cấp mạnh mẽ đầu tư xây dựng KCHT; 4/ Phân phối vốn đầu tư cân đúng hướng, tập trung và có trọng điểm; 5/ Quản lý chặt chẽ quá trình sử dụng vốn đầu tư xây dựng KCHT KT-XH; 6/ Đơn giản thủ tục hành chính trong huy động vốn.

Tác giả nêu ra *một số giải pháp huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH đối với tỉnh Bắc*

Ninh như sau:

- Nâng cao chất lượng quy hoạch KCHT là điều kiện tiên quyết cho huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH;

- Đảm bảo cơ cấu vốn nhà nước để đầu tư xây dựng KCHT KT-XH;

- Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài xây dựng các công trình KCHT KT-XH;

- Phối hợp ngân sách Nhà nước với tiềm lực trong dân để xây dựng KCHT KT-XH ở nông thôn;

- Hoàn thiện chính sách thu hút mọi nguồn lực tập trung cho đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH.

Tác giả nêu lên *một số kiến nghị* để thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động vốn xây dựng KCHT KT-XH tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới, đó là:

1/ Tiếp tục đổi mới các chính sách đặc thù của Bắc Ninh trong việc huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH ;

2/ Tăng cường quản lý đất đai, thực hiện sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng KCHT;

3/ Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về trình độ và phẩm chất đạo đức của người cán bộ thực hiện nhiệm vụ huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình KCHT KT-XH;

4/ Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn.

Luận án đã được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội cuối năm 2006.

TH.
giới thiệu